

HÔN LỄ TRUYỀN THỐNG TRONG MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÓA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÔN NỮ QUỲNH TRÂN*

Chuyển động đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ tại vùng ven và ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh vào thời kỳ Đổi mới (từ 1986). Chuyển động này chứa đựng đầy đủ các yếu tố nội hàm, đang được thể hiện dưới nhiều khuynh hướng chính như sau: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, sự gia tăng dân số cơ học, sự phân tầng sâu sắc cơ cấu xã hội, sự tiếp cận nhanh khoa học và công nghệ cao.

Những xu hướng trên đang phát triển nhanh chóng, từ đó đặt ra vấn đề chuyển hóa văn hóa nông thôn thành văn hóa đô thị. Hôn lễ là một trong những thành tố văn hóa truyền thống chịu nhiều tác động của hiện tượng đô thị hóa và có nhiều chuyển biến theo chiều hướng hiện đại hóa.

Cuộc điều tra định tính và định lượng của chúng tôi về tác động của đô thị hóa lên trên hôn lễ cổ truyền, tiến hành vào năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã có được một số kết quả về sự biến đổi của hôn lễ trong môi trường đô thị hóa.

Dựa vào chỉ tiêu mật độ dân số, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và dựa vào kết quả điều tra thực địa, chúng tôi phân biệt toàn cảnh đô thị hóa của Thành phố Hồ Chí Minh theo ba nhóm như sau:

* Tiến sĩ, Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Nhóm đô thị hóa cao, sẽ được gọi là *vùng nhóm 1*, có mật độ dân cư trên 4.000 người/km², tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm trên 60%,
- Nhóm đô thị hóa mới, sẽ được gọi là *vùng nhóm 2*, có mật độ dân số trên dưới 2.000 người/km², kinh tế chủ yếu là nông nghiệp,
- Nhóm làng xã, được gọi là *vùng nhóm 3*, có mật độ dân số không quá 1.000 người/km².

1. Sự biến đổi trong vai trò của ông mai, bà mối

Trước đây, trai gái ít tìm hiểu nhau. Việc hôn nhân phụ thuộc hoàn toàn vào mai mối hoặc gia đình dẫn dắt. Ông mai, bà mối có thể là người chuyên nghiệp hay nghiệp dư. Họ phải là người biết ăn nói, giỏi lễ nghĩa. Họ xem xét, cân nhắc từng đám sao cho hòa hợp vì cưới vợ lấy chồng cũng phải môn đăng hộ đối. Vì thế có câu:

“Một trăm đồng bước vào, chín mươi chín đồng đứng ngoài rào ngõ vợ”

Có ông mai làm việc rất khoa học, có sổ ghi tên, ngày sinh tháng đẻ, gia cảnh của từng cô từng cậu trong vùng. Nếu nhận thấy nơi nào vừa đôi, vừa lứa là ông đem tài hùng biện của mình đến thuyết phục hai gia đình, và nếu hoàn thành thì ông mai được thưởng tiền, được kiếng một đầu heo. Đầu heo “kiếng” (biếu) cho ông mai phải hoàn chỉnh, không được có nhiều nọng, không được thiếu một bộ phận nào nhất là cái lưỡi. Vì có vai trò quan trọng trong việc tác thành đôi lứa cho nên ông mai cũng có trách nhiệm về hạnh phúc sau này của họ.

Vùng ven Thành phố Hồ Chí Minh trước đây cũng có ông mai chuyên nghiệp, nhưng ngày nay, vai trò quyết định của ông mai dần dần bị phai mờ và đôi chỗ chỉ còn lại là hình thức. Trong môi trường đô thị hóa, điều kiện giao tiếp của thanh niên nam nữ được mở rộng. Trai gái tự tìm hiểu nhau. Tại cả ba vùng nhóm đều có thanh niên đi làm việc ở nội thành, cho nên môi trường giao tiếp của họ rộng hơn, họ có nhiều cơ hội để làm quen, gặp gỡ hơn, chứ không còn bị bó buộc ở địa phương như trước đây. Vì thế, ông mai đã mất đi vai trò quyết định của mình trong việc tác thành đôi lứa.

Tuy nhiên, ông mai vẫn còn là một nhân vật tương đối quan trọng trong các nghi thức của lễ cưới, nhất là tại các vùng sâu của huyện Bình Chánh. Ông mai của thời đại đô thị hóa cũng là người có những đức tính như trước đây. Đó là người ăn nói lưu loát, lớn tuổi, có uy tín, có gia đình nề nếp, con đàn cháu đống, một vợ một chồng. Nhưng vai trò của ông dừng lại ở nghi thức. Ông là người đứng ra thay mặt đàn ông nói lễ, dẫn dắt mọi việc cho buổi lễ được tiến hành suôn sẻ, cho đúng với tục lệ xưa.

2. Sự biến đổi trong nghi thức hôn lễ

Trước đây, hôn lễ phải trải qua ít nhất là sáu lễ (lục lễ) với rất nhiều nghi thức phiền toái. Trong các lễ, lại có nhiều nghi thức như nghi thức lên đèn, giở mâm trầu, cáo từ đường, tạ ơn cha mẹ, mệnh tiếu (dạy con), cúng tơ hồng, nguyệt lão, lại mặt ...

Hiện nay, lục lễ không còn nữa. Các lễ đã được giản lược đi nhiều. Theo sách *Quan hôn tang tế hội thông* thì vào trước năm 1975, tại Sài Gòn, các họ vẫn còn giữ ba lễ là lễ giạm, lễ hỏi và lễ cưới. Lễ giạm hay là lễ coi mắt, là chàng trai đến chàng gái ướm hỏi xin cưới. Lễ hỏi còn được gọi là lễ đính hôn, tương đương với lễ nạp trướng trước đây. Hiện nay, theo kết quả điền dã thì ngay cả ở những nơi nông thôn như Trung Lập Thượng, Thái Mỹ (Củ Chi), hôn lễ chỉ còn gồm có hai lễ là lễ hỏi và lễ cưới. Có nơi lại còn nhập hai lễ vào làm một lễ cưới mà thôi. Hôn lễ thường được tiến hành theo tục lệ chung. Gia đình nào nghèo thì làm đơn giản. Trong đám cưới, các gia đình không nhất thiết phải mời cơ quan chính quyền. Thời gian lễ thức ngắn gọn hơn. Tuy thế gần đây, một số gia đình lễ giáo, nhờ làm ăn khá giả, có khuynh hướng trở lại làm ba lễ. Nhưng những trường hợp ấy vẫn còn hiếm hoi.

3. Sự biến đổi trong lễ vật cưới

Lễ vật chàng trai đem đến chàng gái vào lễ hỏi trước đây phải là con heo đen tuyền, được nhốt trong cũi, được gọi là heo đứng cũi. Heo có đánh dấu đỏ trên gáy để đề phòng trường hợp bị sống thì heo sẽ không bị lẫn lộn. Ngoài lễ vật heo đứng cũi, còn có hai ché rượu, mỗi ché 10 lít, rồi còn đôi đèn rồng phụng, đôi bông tai, cặp áo quần cho cô dâu, cặp rượu lễ và mâm trầu cau với 6 miếng trầu tằm sẵn (tượng trưng cho lục lễ). Cặp rượu, mâm trầu, đôi bông tai ngày nay vẫn còn, nhưng tục heo đứng cũi đã biến mất hẳn tại các vùng đô thị cũng như vùng đô thị hóa. Trên mặt bằng ngày càng bị thu hẹp của đất đô thị, không có chỗ cho heo nữa. Thịt heo được bày bán khắp nơi, miễn có tiền là có thể mua về làm tiệc đãi đằng một cách dễ dàng. Như vậy, thật là thuận tiện cho nhà trai, không phải vất vả đi lùng kiếm cho được một con heo đen tuyền, và cho nhà gái, không phải chăm sóc nó cho đến ngày cưới.

Đôi đèn cũng được châm chế bỏ đi tại nhiều nơi. Lễ lên đèn vốn dĩ là một nghi thức rất quan trọng, cầu xin thần đăng chứng giám cho hạnh phúc của đôi trẻ. Người làm lễ lên đèn thường là người trưởng tộc hoặc có vai vế trong họ. Người lên đèn, sau khi xá bàn thờ, cầm hai cây đèn chụm vào nhau để châm lửa cho cháy đều rồi từ từ dang hai tay ra. Hai bên sẵn có hai người khác đón lấy và cắm vào chân nến ở bàn thờ. Nhìn đôi đèn cháy mà người ta sẽ suy đoán về tương lai của đôi vợ chồng. Đèn trước đây được làm bằng sáp ong, thân

thẳng, cháy đều, tỏa ánh sáng đẹp. Ngày nay không tìm đâu ra đèn sáp ong nữa. Đèn được sản xuất hàng loạt theo kiểu công nghiệp, làm bằng paraffine loại xấu, thân cong, cháy không đều, thường gây lên lời chê bai phiền phức. Vì thế, rất nhiều gia đình châm chế, bỏ qua lễ lên đèn để tránh tiếng cho đôi trẻ. Nếu có nơi nào còn giữ tục lệ lên đèn, thì không nhất thiết người lên đèn phải là người trưởng họ, mà có thể là cha mẹ hay chú bác của chú rể. Thời kỳ đổi mới, con người không còn câu nệ như trước.

Lễ vật áo cưới cho cô dâu cũng được thay đổi. Trước đây, nhà trai đem áo quần may sẵn đến dâng gái, nhưng nay, thay vào đó là một số tiền để cô dâu may sắm cho vừa ý, vừa người và hợp thời trang. Chỉ có lễ vật đôi bông tai là không thay đổi. Dù nhà trai có nghèo đến mấy cũng phải cố kiếm cho được một đôi bông tai, tượng trưng cho hoa con gái của cô dâu.

4. Biến đổi trong trang phục hôn lễ

Ảnh hưởng của đô thị thể hiện rõ ở trang phục. Đây có thể là một trong những yếu tố văn hóa lan tỏa nhanh nhất từ đô thị ra các vùng ngoại vi và thôn quê, chính vì thế mà trang phục của cô dâu, chú rể vùng nông thôn ngoại thành, vùng đang đô thị hóa không khác mấy so với khu vực đô thị. Các cửa hiệu cho thuê trang phục cưới đã xuất hiện cả ở những vùng mới phát triển đô thị, đã tạo điều kiện cho thanh niên vùng ngoại ô thành phố có được những trang phục mong muốn trong ngày trọng đại này. Trang phục của cô dâu không còn chỉ là áo dài mà là váy đầm được dân chúng, dù là ở vùng nông thôn, gọi bằng tiếng Pháp được Việt hóa là xoa rê (soirée). Trong buổi lễ ở nhà, cô dâu bận áo dài truyền thống. Trong buổi tiệc thết đãi, tùy theo khả năng tài chánh, cô dâu thay đổi nhiều lần trang phục dạ hội mà chủ yếu là váy đầm. Váy đầm có đủ màu và đủ kiểu. Màu thông dụng nhất là màu trắng, tượng trưng cho sự trinh trắng, sau đến là màu hồng, tượng trưng cho hạnh phúc lứa đôi, rồi màu vàng, màu cam và thậm chí cả màu đỏ. Kiểu váy cũng đa dạng từ đơn giản đến cầu kỳ, trong đó khuynh hướng chính là rất cầu kỳ. Hở ngực, tay phồng, váy nhiều tầng, nhiều lớp, xoè rộng, dài lết đất là kiểu áo mơ ước của các cô dâu cả vùng nông thôn lẫn thành thị. Ngoài váy đầm, trang phục cô dâu còn có những thứ khác như giày cao gót, găng tay mỏng, vương miện. Tóc của cô dâu cũng rất cầu kỳ, hoặc chải bông, xịt keo cứng, gắn vòng hạt, hoặc uốn "búp ăng lê" phủ quanh đầu. Nhiều cô dâu trang điểm rất đậm, mặt đầy phấn son. Vì thế, cô dâu trông khác hẳn với ngày thường, thậm chí không thể nhận ra được nữa.

Chú rể cũng bận theo đồ tây, thường là complet màu đậm hay kẻ ô, thắt cravate, đi giày đen, cài bông hồng trắng trước ngực áo. Phù rể ăn bận tương tự chú rể nhưng không cài hoa. Khách mời cũng ăn mặc theo kiểu đô thị.

Chỉ có một vài cụ già tại vùng còn nông thôn là còn khăn đóng áo dài. Một số người già có khuynh hướng phục hồi lại trang phục xưa ấy trong các nghi thức làm lễ bàn thờ ông bà hoặc chào hai họ. Khuynh hướng phục hưng khăn đóng áo dài chưa được hưởng ứng lắm.

5. Biến đổi trong tiệc cưới

Tiệc cưới trước đây là do gia đình cùng chòm xóm cùng lo. Bàn ghế, ly chén cần dùng cho đám tiệc thì do thanh niên trong xóm, trong làng đi mượn mỗi nhà một ít. Ở ngoại thành, nhà thoáng, vườn rộng nên đám cưới thường tổ chức tại nhà. Các chàng trai, cô gái đua nhau thi tài. Nam thì lo đốn lá làm cổng tam quan. Nữ thì nấu nướng. Các ngôi nhà chữ đình, ba gian rộng thoáng được treo hoa giấy, đèn lồng. Khách khứa đông đúc, có khi cả xóm cả làng đều dự. Người nào có khiếu đàn hát thì tự nguyện giúp vui, thay phiên nhau hát, hò, có khi thâu đêm. Những dịp như thế này thường thắt chặt thêm tình làng nghĩa xóm, tình thân tộc.

Nhưng, nhịp sống công nghiệp ở những vùng đô thị hóa đã làm con người dần dần xa rời phong cách ấy. Bàn ghế, chén đĩa đã có dịch vụ cho thuê và rất thuận tiện. Nấu nướng cũng thế, đã có dịch vụ nấu tiệc. Vì thế, quang cảnh láng giềng bà con xúm xít nấu nướng, chuyện trò râm ran ngày càng hiếm hoi.

Cuộc điều tra về các gia đình sống ở vùng ven và ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh cho chúng tôi thấy rằng vùng nào càng đô thị hóa cao thì việc cùng nấu, tổ chức cưới tại nhà và việc giúp đỡ lẫn nhau làm đám tiệc càng ít đi.

Kết quả điều tra định lượng về vấn đề ấy có kết quả tham khảo như sau:

a. Về địa điểm tổ chức tiệc cưới

Đa số các gia đình ở cả ba vùng nhóm vẫn còn giữ việc đãi tiệc tại nhà vì như thế thân mật hơn và đỡ tốn kém hơn. Tỷ lệ cao: 96,4% ở vùng chưa đô thị hóa, 90% ở vùng mới đô thị hóa và 77,1% ở vùng đô thị hóa cao chứng tỏ tục lệ này vẫn được lưu giữ một cách khá vững vàng (bảng 1).

Bảng 1. Địa điểm tổ chức

	Tại nhà		Nơi khác		Tổng số phiếu
	Số	Tỷ lệ	Số	Tỷ lệ	
Vùng nhóm 3	52	96,4%	5	8,7%	57
Vùng nhóm 2	99	90%	11	10%	110
Vùng nhóm 1	54	77,1%	16	22,9%	70

Có thể cho rằng, ở vùng càng đô thị hóa cao, các gia đình càng có khuynh hướng đặt tiệc ở nơi khác ngoài khung cảnh của ngôi nhà vẫn thường sống. Nhà cửa chật hẹp ở vùng đô thị hóa cùng cuộc sống hối hả, bận rộn, không cho phép các gia đình ở đây có điều kiện tổ chức một đám cưới bề thế tại nhà nữa, mà đành phải tìm đến các nhà hàng, các nơi cho thuê. Bên cạnh nguyên nhân ấy còn có vấn đề thị hiếu nữa. Một số thanh niên ở vùng thôn quê lại cho rằng đám cưới tại nhà hàng mới sang, mới mở mặt mở mày, còn đám cưới tại nhà thì quê mùa. Khuynh hướng ấy đang dần dần phát triển ở cả ba vùng nhóm.

b. Về việc tổ chức nấu tiệc cưới

Tỷ lệ thuê thợ nấu ở bảng 2 (29,6%; 41,2%; 46,4%) cao hơn nhiều so với tỷ lệ thuê chỗ tiệc cưới ở bảng 1 (8,7%; 10%; 22,9%). Như vậy là có hiện tượng đặt tiệc tại nhà nhưng thuê người về nấu (bảng 2). Những người chuyên nghiệp này sẽ nấu ngon hơn là những người tay ngang và đồng thời chủ nhân cũng có thuận tiện là sẽ rảnh rang để lo việc khác.

Bảng 2. Người nấu tiệc cưới

	Thợ nấu		Tổng số phiếu
	Số người	Tỷ lệ (%)	
Vùng nhóm 3	16	29,6%	54
Vùng nhóm 2	42	41,2%	102
Vùng nhóm 1	32	46,4%	69

Hiện tượng này cũng chứng tỏ một yếu tố khác, đó là qua việc thuê thợ nấu nướng, người dân địa phương càng có điều kiện giao tiếp với người khác nghề nghiệp và ngoài môi trường sinh hoạt quen thuộc cũ. Họ có môi trường giao tiếp lớn hơn, lại có dịp cọ xát với kỹ thuật nấu nướng mới cũng như các món ăn khác lạ.

c. Về việc trang hoàng nhà cửa

Trong khi tỷ lệ thuê nấu khá cao, thì tỷ lệ thuê trang trí nhà cửa rất thấp. Người ở cả ba vùng nhóm đều còn giữ lệ nhờ bà con, hàng xóm, bạn bè đến trang hoàng nhà cửa chứ không thích lắm việc thuê người lạ.

Tỷ lệ nhờ vả bạn bè (8,5%, 15%, 3,5%) thấp hẳn so với tỷ lệ nhờ bà con, hàng xóm, trong khi ấy, mối quan hệ với người cùng đoàn thể là con số không trong công việc này (bảng 3). Mối quan hệ đoàn thể quả thật chưa thể thay thế các quan hệ truyền thống trước kia.

Bảng 3. Việc trang hoàng nhà cửa

	Bà con, anh em		Hàng xóm		Bạn bè		Người cùng đoàn thể		Thuê		Số phiếu
Vùng 3	48	81,4%	13	22%	5	8,5%	0	0%	1	1,7%	59
Vùng 2	94	79%	32	26,9%	18	15,1%	0	0%	3	2,5%	119
Vùng 1	63	74,1%	11	12,9%	3	3,5%	0	0%	1	1,2%	85

6. Biến đổi trong thành phần khách được mời

Thành phần khách mời cũng có khác nhau tùy theo mức độ đô thị hóa. Trước đây, tất cả bà con trong ấp, trong làng đều được mời dự, nhưng nay, tại vùng nhóm 1, đối tượng mời đã được chọn lựa kỹ hơn, có khuynh hướng mời những người thân tình chứ không có tính đại trà. Trong khi ấy ở vùng nhóm 2 và 3, tập tục mời cả làng đi dự tiệc cưới vẫn còn đậm đà. Đông đảo người cùng tổ, cùng xóm đều được mời, và điều ấy được xem như là một việc hiển nhiên.

a. Đối tượng mời là người cùng tổ, xóm

Bảng 4. Đối tượng mời là người cùng tổ, xóm

	Mời hết		Đa số được mời		Chỉ vài người thân quen		Tổng số phiếu
Vùng nhóm 1	9	14,5%	26	41,9%	27	43,5%	62
Vùng nhóm 2	28	26,9%	47	45,1%	29	27,8%	104
Vùng nhóm 3	21	41,1%	15	29,4%	15	29,4%	51

Qua bảng 4, ta thấy tỷ lệ mời hết người cùng tổ, cùng xóm tăng dần từ vùng nhóm 1 cho đến vùng nhóm 3, đồng thời tỷ lệ chỉ mời người thân quen lại theo chiều ngược lại. Vùng nhóm 1 có sự chọn lựa khách mời hơn, không còn câu nệ tục lệ mời hết cả xóm như cũ. Dân ở vùng nhóm 2 cũng đã có sự chọn lựa khách mời, nhưng bình diện rộng hơn vùng nhóm 1, thể hiện ở tỷ lệ đa số người cùng tổ được mời là 45,1%. Bảng điều tra này minh chứng sự kiện là con người ở vùng đô thị hóa càng cao thì quan hệ cộng đồng làng xóm càng mỏng đi.

c. Đối tượng mời là anh em, bà con

Bảng 5. Đối tượng mời là anh em, bà con

	Mời nhiều		Chỉ mời vài người thân		Tổng số phiếu
	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	
Vùng nhóm 1	30	93,7%	2	6,3%	32
Vùng nhóm 2	35	85,4%	5	12,2%	41
Vùng nhóm 3	22	91,7%	1	4,2%	24

Chỉ một số ít gia đình là có sự chọn lựa cao trong việc mời anh em, bà con khi có đám cưới (6,3%, 12,2%, 4,2%). Còn lại, tại cả ba vùng nhóm, việc mời phần đông là anh em, bà con là việc hiển nhiên, chiếm tỷ lệ cao, từ 85% trở lên (bảng 5). Đám cưới, hôn nhân là việc trong dòng họ, cho nên, hiện tượng mời đông bà con là điều hiển nhiên, nhưng qua đó, vẫn cho thấy rằng, con người dù ở đâu, cũng đều coi trọng mối quan hệ dòng họ.

c. Đối tượng mời là bạn bè của cô dâu, chú rể

Quan hệ bạn bè ở vùng đô thị hóa 1 và 2 (53,1% và 58,5%) có phần nhỉnh hơn so với vùng thôn quê (41,7%). Con người sống ở vùng đô thị hóa vẫn có nhiều quan hệ bạn bè hơn vùng nông thôn (bảng 6).

Bảng 6. Đối tượng mời là bạn bè của cô dâu, chú rể

	Mời đa số		Chỉ mời vài người thân		Tổng số phiếu
	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	
Vùng nhóm 1	17	53,1%	8	25%	32
Vùng nhóm 2	24	58,5%	10	24,4%	41
Vùng nhóm 3	10	41,7%	9	37,5%	24

*

* *

Đô thị hóa đã len lỏi đến từng nghi thức của hôn lễ và có tác dụng đáng kể lên tục lệ này. Đô thị hóa đem đến một số điểm tiêu cực như sự đua đòi làm cho một số cô dâu quên đi vẻ đẹp truyền thống của chiếc áo dài, chạy theo những kiểu “xoa rê” biến dạng, cầu kỳ, diêm dúa. Hoặc ở một số đám cưới có việc tính toán hơn thiệt, có hiện tượng “chọn mặt đón tiền mừng”, làm cho không khí lễ cưới mất đi phần nào tình thân mật.

Bên cạnh đó, đô thị hóa lược bỏ được những tập tục phức tạp, đồng thời có tác dụng biến đổi các tập tục ngày càng thực tiễn hơn, nhân bản hơn. Lược lễ rườm rà phức tạp đã được trút bỏ, chỉ giữ lại những gì cần thiết để tạo không khí long trọng. Những đòi hỏi, những thách thức quá đáng trong các đám cưới hỏi cũng dần dần được bỏ qua. Cảnh cả làng, cả xóm xúm lại chèn chén, bỏ bê ruộng đồng cũng không còn phổ biến nữa. Một số tệ nạn, mê tín được xóa bỏ. Không còn tệ tảo hôn, không còn hiện tượng ép hôn. Trai gái có điều kiện tự do hơn trong việc chọn lựa người phối ngẫu. Tình yêu nam nữ được tôn vinh hơn.

Hẳn nhiên là nguyên nhân đưa đến kết quả tích cực này không chỉ xuất phát từ chuyển động đô thị hóa. Bên cạnh đô thị hóa, còn có nhiều tác nhân khác, mà có thể kể là mặt bằng dân trí được nâng lên, là sự phát triển chung của xã hội. Những tác nhân này là có thật nhưng đô thị hóa, với sự biến đổi về lối sống, về môi trường giao tiếp là tác nhân chính cho những đổi thay tích cực đã kể ở trên.